

Phẩm 18: QUÁN VỀ PHÁP
(Gồm 12 kệ)

Hỏi: Nếu các pháp đều rớt ráo không, không sinh không diệt, gọi là thật tướng của các pháp thì làm sao ngộ nhập?

Đáp: Diệt tâm chấp kiến ngã và ngã sở, nên được trí tuệ biết hết thấy pháp không, không có ngã, ấy gọi là ngộ nhập.

Hỏi: Làm sao biết các pháp vô ngã?

Đáp:

Kệ 1:

*Nếu ngã là năm ấm
Thì ngã là pháp diệt
Nếu ngã khác năm ấm
Chẳng phải tướng năm ấm.*

Kệ 2:

*Nếu như không có ngã
Thì đâu có ngã sở
Vì diệt ngã, ngã sở
Gọi là trí vô ngã.*

Kệ 3:

*Người đắc trí vô ngã
Nên gọi là thật quán
Người đắc trí vô ngã
Người ấy thật hiếm có.*

Kệ 4:

*Trong ngã ngoài ngã sở
Diệt hết không còn gì
Nên các thọ cũng diệt
Thọ diệt thì thân diệt.*

Kệ 5:

*Vì nghiệp, phiền não diệt
Gọi đó là giải thoát
Nghiệp, phiền não chẳng thật
Nhập không, hý luận diệt.*

Kệ 6:

*Chư Phật nói về ngã
Hoặc nói về vô ngã
Trong thật tướng của các pháp*

Không ngã, không vô ngã.

Kệ 7:

*Thật tướng của các pháp
Dứt tâm hành ngôn ngữ
Không sinh cũng không diệt
Tịch diệt như Niết-bàn.*

Kệ 8:

*Tất cả thật chẳng thật
Cũng thật cũng chẳng thật
Chẳng thật chẳng chẳng thật
Đó gọi là pháp Phật.*

Kệ 9:

*Tự biết chẳng do người
Tịch diệt không hý luận
Không khác không phân biệt
Đó gọi là thật tướng.*

Kệ 10:

*Nếu pháp từ duyên sinh
Chẳng một, chẳng nhân khác
Thì gọi là thật tướng
Chẳng đoạn cũng chẳng thường.*

Kệ 11:

*Chẳng một cũng chẳng khác
Chẳng thường cũng chẳng đoạn
Đó là chư Thế Tôn
Giáo hóa vị cam lồ.*

Kệ 12:

*Nếu Phật không xuất thế
Pháp Phật đã diệt tận
Trí chư Phật-bích-chi
Từ nơi xa lìa sinh.*

Có người nói ngã có hai thứ: Là hoặc năm ấm tức là ngã, hoặc lìa năm ấm có ngã. Nếu năm ấm tức là ngã, thì ngã ấy có tướng sinh diệt, như trong kệ nói: “Nếu ngã tức năm ấm (thì) ngã là tướng sinh diệt”. Vì sao? Vì sinh rồi hoại diệt, vì là tướng sinh diệt nên năm ấm là vô thường. Giống như năm ấm vô thường, hai pháp sinh và diệt cũng là vô thường. Vì sao? Vì sinh diệt cũng có sinh rồi hoại diệt, cho nên vô thường. Ngã nếu chính là năm ấm thì vì năm ấm vô thường nên ngã

phải là tướng vô thường sinh diệt. Nhưng việc ấy không đúng.

Nếu lìa năm ấm có ngã, thì ngã chẳng phải là tướng năm ấm. Như trong kệ nói: “Nếu ngã khác với năm ấm, thì ngã chẳng phải tướng năm ấm”.

Nếu lìa năm ấm lại không có pháp. Nếu lìa năm ấm mà có pháp, thì do tướng gì pháp gì mà có. Nếu cho ngã giống như hư không, thì lìa năm ấm mà có, cũng không đúng. Vì sao? Trong phẩm Quán sáu chủng giới đã phá tướng hư không. Không có pháp gì cả, mới gọi là hư không.

Nếu cho vì có tin cho nên biết có ngã, cũng không đúng. Vì sao? Tin có bốn thứ: Một: việc hiện trước mắt đáng tin. Hai: do so sánh mà biết nên tin, như thấy khói biết có lửa. Ba: do thí dụ đáng tin, như Quốc gia không có sỏi đá, ví dụ như vàng. Bốn: lời của Hiền Thánh nói đáng tin, như nói có địa ngục, có trời, có châu Uất-đơn-việt (Châu Bắc-câu-lô) tuy không trông thấy nhưng tin lời Hiền Thánh nên biết có. Còn ngã này đều không nằm trong bốn lối tin đó, trong việc hiện thấy không có, trong so sánh biết cũng không có. Vì sao? Vì so sánh biết là trước đã có thấy sau mới so sánh biết, như trước thấy lửa có khói nên sau chỉ thấy khói là biết có lửa. Còn ngã thì không như vậy. Có ai trước thấy ngã hợp với năm ấm, sau nhân ấy năm ấm mà biết có ngã đâu.

Hoặc ông cho có ba cách so sánh để biết: Một: giống như gốc. Hai: giống như tàn dư. Ba: cùng trông thấy. Giống như gốc là như trước thấy lửa có khói, nay thấy khói so sánh biết có lửa giống như lửa thấy lần trước, giống như tàn dư là như nấu cơm, một hạt chín, nên biết các hạt còn lại cũng chín, cùng trông thấy là như mắt thấy người từ chỗ này đi đến chỗ kia và cũng thấy người kia đi còn như mặt trời từ phương đông đi qua phương tây, tuy không thấy nó đi, song do người có tướng đi mà biết mặt trời cũng có đi, như vậy những tri giác khổ vui ưa ghét cũng phải có chỗ nương, như thấy thần dân, biết chắc là nương nơi vua.

Việc ông vừa nói đó đúng không. Vì sao? Vì như ông nói cùng nhau tin: vì thấy người trước hợp với sự đi mà đến được nơi khác, nên sau thấy mặt trời từ đông sang tây mà biết mặt trời có đi. Song thực tế không có ai vì trước thấy năm ấm hợp với ngã, nên sau nhân thấy năm ấm mà biết có ngã? Thế nên theo cách so sánh cùng nhau để biết, cũng không có ngã. Trong lời Thánh nhân dạy cũng không nói ngã, vì sao? Vì lời Thánh nhân nói, là trước do mắt thấy rồi sau mới nói. Lại Thánh nhân nói các việc khác đáng tin, nên khi Thánh nhân nói về địa ngục v.v... cũng đáng tin, nhưng về ngã thì không như vậy, không có việc

trước thấy ngã rồi sau nói ngã. Thế nên tìm ngã theo trong bốn trường hợp khả tín nêu trên, không thể có được. Vì tìm ngã không thể có được nên ngã không có, thế nên lia năm ấm không riêng có ngã.

Lại nữa, trong phẩm Quán sáu căn đã nói: Thấy, người thấy, bị thấy, đều bị phá bỏ, nên ngã cũng bị phá bỏ như vậy.

Lại mắt thấy pháp thô còn không được, huống gì tâm hư vọng nhớ tưởng phân biệt mà thấy có ngã. Thế nên, nên biết không có ngã. Nhân có ngã nên có ngã sở, nếu không có ngã thì ngã sở không có. Do tu tập tám chi Chánh đạo dứt ngã và ngã sở, nên được trí tuệ quyết định không có ngã, ngã sở.

Lại không có ngã, ngã sở là đối với Đệ nhất nghĩa cũng không thể có được. Người có trí biết không có ngã, ngã sở, có thể thấy các pháp đúng chân thật. Còn hàng phàm phu bị ngã, ngã sở chướng ngại mất tuệ, nên không thể thấy chân thật. Thánh nhân không có ngã, ngã sở nên các phiền não cũng dứt. Phiền não dứt nên thấy được thật tướng của các pháp. Ngã, ngã sở bên trong, bên ngoài dứt, nên các chấp thọ (thủ) cũng dứt, các chấp thọ dứt, nên vô lượng thân tối hậu đều dứt, ấy gọi là Niết-bàn Vô dư.

Hỏi: Hữu dư Niết-bàn là thế nào?

Đáp: Các phiền não và nghiệp dứt nên gọi là tâm được giải thoát. Các phiền não nghiệp ấy đều từ nhớ tưởng phân biệt sinh, không có thật. Nhớ tưởng phân biệt đều từ hý luận sinh. Ngộ được thật tướng của các pháp rốt ráo không, thì các hý luận dứt. Thế gọi là Hữu dư Niết-bàn là pháp thật tướng.

Như vậy các Đức Phật lấy Nhất thiết trí quán căn cơ chúng sinh, mỗi mỗi vì họ nói pháp, có khi nói hữu ngã, có khi nói vô ngã. Nếu đối với người tâm chưa thuần thực, chưa có phần Niết-bàn, không biết sợ tội, thì Phật nói có ngã. Hoặc đối với người đắc đạo, biết các pháp đều không, chỉ giả danh gọi là ngã, thì Phật nói ngã, cũng không có lỗi.

Lại đối với người có phước đức, bố thí, trì giới v.v... biết nhàm lìa khổ não sinh tử, nhưng sợ Niết-bàn tịch diệt vĩnh viễn, thì Phật nói các pháp vô ngã, chỉ do nhân duyên hòa hợp, khi sinh chỉ là “không” sinh, khi diệt chỉ là “không” diệt. Thế nên vì họ nói vô ngã, chỉ giả danh nói có ngã.

Lại đối với người đắc đạo, họ biết vô ngã cũng không rơi vào đoạn diệt, nên nói vô ngã, không có lỗi. Thế nên trong kệ nói: Các Đức Phật nói hữu ngã, cũng nói vô ngã. Nếu theo lý chân thật, thì không nói ngã phi ngã.

Hỏi: Nếu vô ngã là sự thật, chỉ vì thế tục nên nói có ngã, thì có lỗi gì?

Đáp: Nhân phá ngã mà có vô ngã, chứ ngã quyết định không thể có được, huống gì vô ngã. Nếu quyết định có vô ngã, thì rơi vào đoạn diệt, sinh tâm tham đắm. Như trong kinh Bát nhã nói: “Bồ-tát không tu hành hữu ngã không tu hành vô ngã”.

Hỏi: Nếu không nói ngã phi ngã, không bất không, thì Phật pháp nói cái gì?

Đáp: Phật nói thật tướng của các pháp, đối với thật tướng thì không có lối vào cho ngôn ngữ, dứt các tâm hành. Tâm vì duyên chấp giữ tướng phát sinh, vì quả báo của nghiệp đời trước nên có, tâm ấy không thể như thật thấy các pháp, thế nên tâm hành dứt.

Hỏi: Nếu tâm phàm phu không thể thấy được thật tướng, còn tâm Thánh nhân thì có thể thấy được thật tướng, cớ sao nói tất cả tâm hành diệt?

Đáp: Thật tướng của các pháp tức là Niết-bàn, Niết-bàn gọi là diệt, và diệt tâm hành cầu hưởng tới Niết-bàn cũng gọi là diệt. Nếu tâm là thật, đâu cần tu ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô tác, và trong các thiền định cớ sao cho định diệt tận là bậc nhất. Lại cuối cùng cũng quy về Niết-bàn Vô dư. Thế cho nên biết tất cả tâm hành đều là hư dối, vì hư dối nên diệt. Thật tướng của các pháp là ra ngoài các tâm sở pháp, không sinh không diệt, tịch diệt như Niết-bàn.

Hỏi: Trong kinh nói các pháp từ xưa nay tướng tịch diệt tức là Niết-bàn, cớ sao đây lại nói là như Niết-bàn?

Đáp: Người chấp trước pháp, họ phân biệt pháp có hai: là pháp thế gian và pháp Niết-bàn. Nói Niết-bàn là tịch diệt chứ không nói thế gian là tịch diệt. Còn trong luận này nói hết thấy pháp đều là tánh không, tịch diệt. Vì người chấp trước pháp không hiểu, nên lấy Niết-bàn làm ví dụ. Như ông nói tướng Niết-bàn là không, vô tướng, tịch diệt, không hý luận, thì hết thấy thế gian cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Phật không nói ngã phi ngã, các tâm hành diệt, đường ngôn ngữ dứt, thì làm sao khiến cho người ta biết được thật tướng của các pháp?

Đáp: Chư Phật có vô lượng lực phương tiện, biết các pháp không có tướng quyết định, nhưng vì độ chúng sinh nên hoặc nói hết thấy thật, hoặc nói hết thấy không thật, hoặc nói hết thấy thật không thật, hoặc nói hết thấy chẳng phải thật chẳng phải không thật.

Hết thấy thật là suy tìm thấu đến thật tánh các pháp, đều hội nhập

Đệ nhất nghĩa, một tướng bình đẳng đó là vô tướng. Như các dòng nước, màu sắc, mùi vị khác nhau, khi vào biển cả thì đồng một sắc một vị.

Hết thấy không thật, là các pháp khi chưa hội nhập thật tướng, phân biệt quán sát mỗi pháp đều không thật có, chỉ do các duyên hòa hợp nên có.

Hết thấy thật không thật, là chúng sinh có ba hạng trên, giữa, dưới. Hạng trên xem các pháp tướng chẳng phải thật chẳng phải không thật. Hạng giữa xem các pháp tướng hết thấy thật, hết thấy không thật. Hạng dưới trí lực cạn nên xem các pháp tướng một ít thật một ít không thật.

Xem Niết-bàn là pháp vô vi bất hoại nên thật, xem sinh tử là pháp hữu vi hư ngụy nên không thật.

Hết thấy chẳng phải thật chẳng phải không thật, là vì pháp thật không thật, nên nói chẳng phải thật chẳng phải không thật.

Hỏi: Ở các chỗ khác Phật dạy xa lìa chẳng phải có chẳng phải không, sao trong đây nói “chẳng phải có chẳng phải không”, là lời Phật dạy?

Đáp: Ở chỗ khác vì phá bốn tầng tham chấp nên nói như thế, còn ở trong luận này thì bốn câu ấy không có hý luận. Nghe Phật nói thì đắc đạo, thế nên nói chẳng phải thật chẳng phải không thật.

Hỏi: Biết Phật vì nhân duyên nên nói bốn câu ấy: lại người biết được thật tướng của các pháp là do tướng trạng gì mà biết? Lại thật tướng là thế nào?

Đáp: là không theo người khác. Không theo người khác là, tuy nếu gặp ngoại đạo hiện thần thông nói, nói thế là đạo lý, thế là phi đạo lý, tự tin tâm mình mà không theo lời ngoại đạo, cho đến thấy nó biến hiện thân, tuy không biết đó là chẳng phải Phật, song vì đã thấu hiểu thật tướng, nên tâm không xoay chuyển.

Trong đây không có pháp có thể lấy, có thể bỏ, nên gọi là tướng tịch diệt. Vì tướng tịch diệt nên không hý luận và bị hý luận.

Hý luận có hai: Một là ái luận. Hai là kiến luận. Trong đây không có hai hý luận ấy. Hai hý luận không có, nên không có nhớ tưởng phân biệt. Không có dị tướng theo nhớ tưởng phân biệt, ấy gọi là thật tướng.

Hỏi: Nếu các pháp đều không, có thể không rơi vào đoạn diệt chẳng? Lại nếu chẳng sinh chẳng diệt, hoặc rơi vào thường kiến chẳng?

Đáp: Không phải vậy. Trên kia đã nói thật tướng là không hý luận, tâm tướng tịch diệt, dứt đường ngôn ngữ. Ông còn tham chấp chấp giữ tướng, đối với thật tướng pháp còn có cái lỗi thấy đoạn thấy thường.

Người ngộ được thật tướng nên nói các pháp từ các duyên sinh, các pháp thấy đối với nhân chẳng một cũng chẳng khác. Thế nên không đoạn không thường. Nếu quả khác với nhân là đoạn, nếu quả không khác với nhân là thường.

Hỏi: Nếu hiểu như vậy có lợi ích gì?

Đáp: Nếu người hành đạo, thấu suốt được nghĩa ấy, đối với hết thấy pháp không thấy một, không thấy khác, không thấy đoạn, không thấy thường. Được như vậy thì diệt các phiền não hý luận, thường được cái vui Niết-bàn. Thế nên nói chư Phật đem vị cam lồ giáo hóa chúng sinh. Như thế gian nói được uống nước cam lồ của trời thì không bị già bệnh chết, không có các sự suy não. Pháp thật tướng này là vị cam lồ chân thật. Phật dạy thật tướng có ba bậc: Nếu hiểu được thật tướng của các pháp mà dứt các phiền não, đó gọi là pháp Thanh-văn, nếu sinh tâm đại từ phát tâm vô lượng, đó gọi là Đại thừa, hoặc lúc không có Phật ra đời và gặp khi không có Phật pháp, hàng Phật-bích-chi nhân xa lìa chỗ ồn náo mà phát sinh trí hoặc Phật độ chúng sinh rồi vào Niết-bàn Vô dư, pháp để lại cũng diệt tận, đời trước nếu có người có thể đắc đạo, do nhân duyên quán sát chút ít rồi nhàm chán, một mình đi vào rừng, lìa xa chỗ ồn náo mà đắc đạo, đó gọi là Phật-bích-chi.
